

Số: **23** /2018/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày **31** tháng **7** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về việc Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014; Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN, ngày 11/6/2014 quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 15/2014/TT-BKHHCN, ngày 13 tháng 6 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN, ngày 11/03/2015 quy định việc kiểm

tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN, ngày 27 tháng 5 năm 2014 quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 27/TTr-SKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018. Quyết định này thay thế Quyết định số 89/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định về quản lý và khuyến khích hoạt động nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ và Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 89/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ (Sở Nội vụ);
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX₄, KSTTHC₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở
sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **23** /2018/QĐ-UBND, ngày **31**
tháng **7**. năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là *nhiệm vụ khoa học và công nghệ*) và khuyến khích hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* (sau đây gọi tắt là *đề xuất nhiệm vụ*) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của các tổ chức, cá nhân được các sở, ban, ngành, địa phương xem xét đặt hàng.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh* là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ được giao quản lý đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. *Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ với những yêu cầu, tiêu chí theo quy định.

4. *Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện,

năng lực và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí theo quy định.

5. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ sở và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt, ký kết hợp đồng thực hiện và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 3. Căn cứ đề xuất đặt hàng

1. Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 (năm) năm của tỉnh, của các sở, ban, ngành và huyện, thành phố.

2. Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh 5 (năm) năm và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm.

3. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và (hoặc) các nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc xác định đề xuất đặt hàng

1. Các sở, ngành, địa phương chỉ đạo việc xây dựng và xác định các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong phạm vi ngành, địa phương quản lý.

2. Việc xác định đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải phù hợp với định hướng, tiến độ xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện.

Điều 5. Yêu cầu đối với đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ

Đề tài, dự án phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng

cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trong phạm vi của tỉnh;

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học công nghệ (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) của tỉnh hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ;

c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (*sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ*) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng trên địa bàn của tỉnh; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng.

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại Việt Nam hoặc quốc tế thông qua các công bố trong nước và quốc tế hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an

ninh và an sinh xã hội.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 6. Đề xuất đặt hàng và tổng hợp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm hoặc theo yêu cầu cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh, chỉ đạo xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh để các sở, ban ngành, huyện, thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổng hợp đề xuất đặt hàng

a) Các sở, ban ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân lựa chọn các đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu đặt hàng, tổng hợp các đề xuất đặt hàng và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết ở cấp tỉnh;

b) Các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của các sở,

ban ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp. Trường hợp đề xuất có từ 02 nhiệm vụ trở lên phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính cấp thiết và tính khả thi của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của các đề xuất đặt hàng do các sở, ban ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân gửi đến và những nhiệm vụ do Sở Khoa học và Công nghệ tự đề xuất. Những đề xuất đặt hàng được đánh giá đạt yêu cầu sơ bộ sau khi đáp ứng đầy đủ thông tin và căn cứ xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thảo luận, có ý kiến tư vấn trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh.

Điều 7. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là *Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ*) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập theo chuyên ngành.

a) Hội đồng tư vấn từ 05 đến 09 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các thành viên. Thành phần Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ là các thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh, chuyên gia khoa học và công nghệ, nhà quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, thuộc các ngành, lĩnh vực của nhiệm vụ; doanh nghiệp, địa phương, đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu; Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ có ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu trong Hội đồng làm chuyên gia phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

b) Một Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ có thể tư vấn một hoặc một số đề xuất đặt hàng nhiệm vụ trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

c) Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề xuất đặt hàng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khác với qui định tại Khoản 1 Điều này.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Kết luận của Hội đồng được thông qua khi có trên 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín.

3. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học tổng hợp để Hội đồng thảo luận và thông qua. Thành viên Hội đồng quyền yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng.

4. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trình tự, thủ tục làm việc và nội dung thảo luận của Hội đồng xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 8. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc tổ chức họp các Hội đồng tư vấn xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, tính cấp thiết của từng nhiệm vụ, đồng thời, rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo yêu cầu tại Điều 5 của Quy định này, tổng hợp thành danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân có

đủ năng lực làm thủ tục tham gia tuyển chọn theo quy định. Đối với nhiệm vụ giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để yêu cầu chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với những đề xuất đặt hàng không được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ để các tổ chức và cá nhân biết.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP; THẨM ĐỊNH KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 9. Nguyên tắc, điều kiện, thành phần hồ sơ, nộp hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Nguyên tắc chung

a) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên cổng, trang thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng, trừ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được đánh giá thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; việc đánh giá được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

2. Nguyên tắc tuyển chọn

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện;

c) Danh mục các nhiệm vụ cấp tỉnh, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian ít nhất là 40 ngày làm việc để các tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn chuẩn bị hồ sơ đăng ký.

3. Nguyên tắc giao trực tiếp

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được giao trực tiếp khi đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật khoa học và công nghệ.

4. Điều kiện, hồ sơ, nộp hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (tương ứng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

Điều 10. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ và đại diện các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Tổ chức rà soát, kiểm tra các thông tin liên quan đến quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy định này, kết quả được ghi thành biên bản.

3. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị đầy đủ theo đúng các biểu mẫu hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy định này.

4. Đối với hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày

kết thúc mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ phải thông báo cho tổ chức nộp hồ sơ biết.

Điều 11. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là *Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp*) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

a) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp có từ 07 đến 09 thành viên gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 uỷ viên phản biện và các uỷ viên khác. Thành phần Hội đồng là thành viên thuộc Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh, các nhà chuyên môn, nhà quản lý có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn thuộc các sở, ngành, địa phương, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Uỷ viên phản biện là chuyên gia có kinh nghiệm, chuyên môn sâu trong lĩnh vực mà nhiệm vụ được xem xét;

b) Các chuyên gia, các uỷ viên Hội đồng đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng. Sở Khoa học và Công nghệ cử 01 (một) hoặc 02 cán bộ, chuyên viên có đủ trình độ, năng lực làm thư ký hành chính Hội đồng;

c) Trường hợp đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng và thành phần Hội đồng khác với quy định tại điểm a, Khoản này.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các uỷ viên hội đồng tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp hội đồng. Các uỷ viên Hội đồng chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá cho từng

hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi phiếu nhận xét, đánh giá tại phiên họp của Hội đồng.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Phiên họp Hội đồng phải được tổ chức chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được xác nhận là hợp lệ (theo ngày ghi trong Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh);

b) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch Hội đồng được ủy quyền và 02 ủy viên phản biện.

c) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp Hội đồng. Trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt, phó chủ tịch Hội đồng được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ mời các nhà quản lý, nhà chuyên môn, nhà khoa học am hiểu đến lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm Chủ tịch Hội đồng.

5. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng

a) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các thành viên Hội đồng, khách mời tham gia và Thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét, đánh giá từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá;

6. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ đi kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

7. Hội đồng làm việc theo trình tự và nội dung quy định tại các Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực

hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (tương ứng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

Điều 12. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là *Tổ thẩm định*) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

a) Tổ thẩm định gồm có 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng là Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; một số thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và đại diện đơn vị, bộ phận quản lý về kế hoạch, tài chính, quản lý khoa học và công nghệ;

b) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phức tạp, đặc thù hoặc yêu cầu đặc biệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác với quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

2. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

a) Tổ thẩm định tổ chức họp chậm nhất là 10 ngày sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được hoàn thiện theo ý kiến Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Phải có mặt ít nhất 04/05 thành viên Tổ thẩm định, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch hoặc thành viên của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp;

c) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp. Trường hợp Tổ trưởng Tổ thẩm định vắng mặt, Tổ phó Tổ thẩm định được ủy quyền chủ trì phiên họp.

3. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia trong/ngoài nước; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện;

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách

nhà nước của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu có) dựa trên các tài liệu minh chứng khả năng huy động các nguồn lực tài chính trên; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết);

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

4. Trách nhiệm của Tổ thẩm định

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định. Các thành viên tổ thẩm định có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến thẩm định kinh phí;

b) Tổ thẩm định có trách nhiệm báo cáo và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết phát sinh trong quá trình xem xét hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ để xem xét, quyết định trong các trường hợp sau: có điều chỉnh lớn về mục tiêu, sản phẩm so với đặt hàng đã được phê duyệt; Thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến; những nội dung công việc của nhiệm vụ phải thực hiện mà chưa có nội dung, định mức chi hoặc kinh phí cần chi cao hơn định mức của quy định hiện hành.

Điều 13. Phê duyệt, hủy kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp; ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp; ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định kinh phí, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện thuyết minh, hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo kết luận Tổ thẩm định kinh phí và nộp lại cho Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại thuyết minh, hồ sơ đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ Thẩm định hoặc ngày nhận được ý kiến

của chuyên gia tư vấn độc lập, trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp trên trang thông tin điện tử của Sở hoặc Cổng thông tin điện tử tỉnh và thực hiện lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Giao Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Vi phạm các yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy định này;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

d) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ủy quyền Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo mẫu

hợp đồng được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 14. Chế độ báo cáo, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Định kỳ 06 tháng một lần, hoặc theo yêu cầu đột xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ, tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện và tiến hành kiểm tra để xử lý theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương (nếu cần thiết) tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về nội dung, khối lượng công việc, tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, làm cơ sở để cấp tiếp số kinh phí thực hiện theo hợp đồng đã ký. kết quả được ghi thành biên bản.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ, sản phẩm của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 15. Điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh tên, mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ: Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng; trừ trường hợp đặc biệt, có lý do chính đáng. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 (một) tháng.

Thẩm quyền điều chỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh với thời gian gia hạn trên 6 tháng và đối với các trường hợp đặc biệt, có lý do chính đáng; Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh thời gian gia hạn không quá 6 tháng.

3. Điều chỉnh nội dung, khối lượng công việc, dự toán kinh phí và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét quyết định điều chỉnh.

4. Các nội dung khác liên quan đến điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng và trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được áp dụng theo quy định Thông số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU, ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ, CÔNG NHẬN VÀ GIAO QUYỀN SỞ HỮU, QUYỀN SỬ DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 16. Nguyên tắc đánh giá và quy trình đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Nguyên tắc đánh giá

a) Căn cứ vào danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã ký kết và thuyết minh đề cương được phê duyệt;

b) Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu;

c) Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

2. Quy trình đánh giá, nghiệm thu nhiệm kết quả thực hiện vụ khoa học và công nghệ được tiến hành theo 02 cấp: đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (*sau đây được gọi là tự đánh giá*) và đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh.

a) Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do thủ

trưởng cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc cơ quan chủ quản tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm tự đánh giá;

b) Cấp tỉnh do Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh thực hiện;

c) Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu và thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (tương ứng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm nộp hồ sơ đăng ký đánh giá, nghiệm thu về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (tương ứng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh);

2. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo gửi kèm hồ sơ đăng ký đánh giá, nghiệm thu chính thức theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (tương ứng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

Điều 18. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là *Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu*) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký nghiệm thu hợp lệ.

a) Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu có từ 07 đến 09 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành phần Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu là thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh, các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đại diện của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan đề xuất đặt hàng, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, ưu tiên thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Thư ký khoa học do Hội đồng bầu trong số các ủy viên của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu.

c) Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu có thể có 01 ủy viên là người thuộc tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng thành viên này không được làm chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên phản biện hoặc thư ký khoa học của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu.

d) Sở Khoa học và Công nghệ cử thư ký hành chính là cán bộ, công chức của Sở Khoa học và Công nghệ để chuẩn bị các tài liệu, nội dung phiên họp của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu.

2. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức để Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu hoặc một số thành viên đi kiểm tra, đánh giá kết quả nghiên cứu thực tế trước khi tiến hành phiên họp chính thức của Hội đồng hoặc có thể lấy ý kiến chuyên gia không là thành viên Hội đồng để đánh giá, nghiệm thu, bảo đảm việc công nhận kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được chính xác, khách quan.

3. Phiên họp của hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có sự tham gia của chủ tịch hội đồng hoặc phó chủ tịch được ủy quyền và 02 ủy viên phản biện. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện các sở, ban, ngành, huyện, thành phố và doanh nghiệp có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tham dự phiên họp của hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu với tư cách là ủy viên hoặc đại biểu. Phiên họp của hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu

được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (tương ứng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

4. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

5. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh

a) Nội dung đánh giá

- Đánh giá báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

- Đánh giá sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

b) Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp:

- Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

- Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

- Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận

và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

- Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

c) Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh được áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (trương ứng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

6. Phương pháp đánh giá và xếp loại đối với nhiệm vụ cấp tỉnh

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b khoản 5 của Điều này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên.

c) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức ‘Xuất sắc’ và Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

d) Việc đánh giá, xếp loại của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 19. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được đánh giá “Đạt”, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu,

chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ (nếu có) theo kết luận của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được đánh giá “Đạt” trở lên sẽ được quyết toán và thanh lý hợp đồng.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị dừng thực hiện hoặc đánh giá, xếp loại "Không đạt", Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có kết quả thực hiện nhiệm vụ bị đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc không gửi Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 20. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tại Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 21. Công nhận kết quả và thanh lý Hợp đồng

1. Công nhận kết quả.

a) Hồ sơ công nhận kết quả bao gồm: Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ

đánh giá, nghiệm thu và Báo cáo quyết toán tài chính của cơ quan chủ trì;

b) Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

2. Thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh lý sau khi có kết quả xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và có văn bản công nhận kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, giấy chứng nhận đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 22. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước

Trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BKHHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương V

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 23. Các nguồn hình thành nhiệm vụ cấp cơ sở

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, bao gồm:

a) Triển khai thực hiện theo nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động,... của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Triển khai ứng dụng vào thực tiễn kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được công bố ứng dụng; các thành tựu khoa học và công nghệ trong nước, nước ngoài;

c) Đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở, bao gồm:

- a) Đề tài khoa học và công nghệ;
- b) Dự án khoa học và công nghệ.

Điều 24. Yêu cầu đối với nhiệm vụ cấp cơ sở

1. Giải quyết các vấn đề cấp thiết về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của ngành, đơn vị và địa phương.
2. Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.
3. Có tính mới, tính tiên tiến, tính khả thi của nhiệm vụ.
4. Có địa chỉ ứng dụng kết quả nghiên cứu; thị trường tiêu thụ sản phẩm; phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ rõ ràng.

Điều 25. Đề xuất, tổng hợp, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Đề xuất nhiệm vụ: Hàng năm, căn cứ định hướng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của ngành, đơn vị, địa phương; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thông báo đến các tổ chức, cá nhân biết để đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
2. Bộ phận tham mưu của các sở, ngành, địa phương tổng hợp các nhiệm vụ do các tổ chức, cá nhân đề xuất, trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở để xác định đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện trong kế hoạch hàng năm hoặc năm (05) năm.
3. Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở để thực hiện.

Điều 26. Xác định nhiệm vụ, thẩm duyệt đề cương, kinh phí; đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Việc xác định nhiệm vụ, thẩm duyệt đề cương, đánh giá, nghiệm thu

nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện, Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên, trong đó có chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên thư ký khoa học, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên. Các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng các sở, ban, ngành, huyện, thành phố quyết định thành lập. Trường hợp cần thiết, thủ trưởng đơn vị có thể mời thêm các chuyên gia, đại diện các sở, ngành có liên quan tham gia các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

a) Thành phần Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp cơ sở là các thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp ngành, cấp huyện, các nhà chuyên môn, chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp cơ sở chỉ họp khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt, trong đó phải có chủ tịch hội đồng hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền và 02 ủy viên phản biện.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Tổ thẩm định do thủ trưởng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thành lập.

Điều 27. Ký kết hợp đồng, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

1. Thủ trưởng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tổ chức đánh giá, nghiệm thu tối đa 02 lần. Trong trường hợp nhiệm vụ đã được đánh giá lần hai vẫn không đạt yêu cầu, bộ phận quản lý khoa học và công nghệ các sở, ban, ngành, cơ quan quản lý khoa học và công nghệ cấp huyện căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp cơ sở để xem xét xử lý kinh phí và ghi nhận kết quả đánh giá theo quy định hiện hành.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh lý hợp đồng sau khi

được Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp cơ sở đánh giá kết quả “Đạt” trở lên và sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ, tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành cho đơn vị được giao quản lý khoa học và công nghệ thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Chương VI

KHUYẾN KHÍCH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀO SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG

Điều 28. Biện pháp khuyến khích đề xuất ý tưởng khoa học, nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đề xuất ý tưởng khoa học, nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các đề xuất nhiệm vụ cấp tỉnh gửi về Sở Khoa học và Công nghệ; cấp cơ sở gửi về các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp và tổ chức đánh giá các ý tưởng khoa học, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đề xuất.

3. Những ý tưởng khoa học được Hội đồng tư vấn lựa chọn hoặc các ý tưởng được lựa chọn từ các hội thi thì được hướng dẫn, hỗ trợ để tiếp tục hoàn thiện ý tưởng trở thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hoặc được hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở để hoàn thiện sản phẩm.

4. Đối với ý tưởng trở thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định hiện hành. Đối với ý tưởng trở thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phê duyệt thực hiện.

5. Ý tưởng khoa học được cấp có thẩm quyền phê duyệt thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở, người đề xuất ý tưởng khoa học

được xem xét ưu tiên giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ và được khen thưởng theo quy định hiện hành.

6. Hàng năm, căn cứ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền giao, Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt, hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở từ các ý tưởng khoa học do các tổ chức, cá nhân đề xuất nhằm tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 29. Trách nhiệm và tổ chức triển khai ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước: Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các tổ chức chính trị-xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng do mình đề xuất đặt hàng. Định kỳ gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu thì tổ chức, cá nhân đó đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân đánh giá và triển khai ứng dụng vào sản xuất, đời sống theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được tổ chức, cá nhân hiến tặng cho Nhà nước, giao Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, lưu giữ và tổ chức ứng dụng.

Điều 30. Khuyến khích ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống

1. Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao và khai thác sử dụng sáng chế để đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa được hưởng các ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân ứng dụng thành công thành tựu khoa học và công nghệ

vào sản xuất và đời sống được ưu tiên khi xét tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở; được ưu tiên xét hỗ trợ kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo chức năng nhiệm vụ của mình tạo điều kiện thuận lợi để triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào quản lý, sản xuất và đời sống.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương xây dựng và tổ chức xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh (*sau khi nghiệm thu*) và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài vào sản xuất và đời sống.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị quản lý nhiệm vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định danh mục các nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện;

b) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

c) Được ủy quyền ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

d) Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, tổng hợp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở để tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vào kế

hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm, 05 năm;

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh một số nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 15 của Quy định này;

e) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

g) Mời đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng, đại diện sở, ngành, địa phương sử dụng kết quả nghiên cứu tham dự các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh;

h) Tổ chức thẩm định, quyết định phê duyệt kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo đúng quy định hiện hành;

i) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kinh phí và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả đề tài, dự án khoa học và công nghệ và thành tựu khoa học và công nghệ vào quản lý, sản xuất và đời sống.

2. Hướng dẫn nội dung, trình tự, phương thức và biểu mẫu làm việc của các Hội đồng tư vấn:

a) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Tổ thẩm định kinh phí;

c) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

d) Các Hội đồng tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Hướng dẫn biểu mẫu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; biểu mẫu, hồ sơ thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng, nhân rộng kết quả đề tài, dự án khoa học và công nghệ và thành tựu khoa học và công nghệ.

4. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo Điều 18 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (tương ứng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

Điều 32. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét giao trực tiếp và Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do sở, ban, ngành, địa phương đã đề xuất đặt hàng. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định được phê duyệt.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo Quy định này và các quy định khác có liên quan. Việc thay đổi chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải được sự đồng ý bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ và sở, ngành, địa phương chủ quản theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết để thực hiện bảo đảm mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Thực hiện việc giao nộp, đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

9. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

11. Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 34. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ký kết hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm khoa học và công nghệ và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; đề xuất với tổ chức chủ trì nhiệm vụ về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng 01 lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền giao kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm để thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh và cấp cơ sở.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, đơn vị mình quản lý theo Quy định này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đồng thời, có thể áp dụng Quy định này hoặc nghiên cứu xây dựng và ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với điều kiện, đặc thù của từng sở, ban, ngành, địa phương thuộc phạm vi mình quản lý.

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng theo các văn đó.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc hoặc có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở khoa học và công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *nh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa